TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02-10-2020
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Văn Hường và ông Thái Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: ông Nông Đình Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐST-DS ngày 18-9-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1962;

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T; xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không đăng ký kết hôn; có tổ chức cưới tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T rượu, chè; phá tán tài sản; bạo lực gia đình; không chịu lao động. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: chị L và anh T có 04 người con là Nguyễn Hàn Q, sinh năm 1998; Nguyễn Anh T, sinh năm 2000; Nguyễn Thái N, sinh ngày 15-11-2007 và Nguyễn Nhất A, sinh 14-10-2910; đối với 02 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu N và cháu A, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: anh thừa nhận chung sống với chị L từ năm 1997 không có đăng ký kết hôn, chị L yêu cầu Tòa án tuyên không công nhận anh và chị Nguyễn Thị Thùy L là vợ chồng, anh đồng ý; về con chung có 04 người con chung là Nguyễn Hàn Q, sinh năm 1998; Nguyễn Anh T, sinh năm 2000; Nguyễn Thái N, sinh ngày 15-11-2007 và Nguyễn Nhất A, sinh 14-10-2010; đối với 02 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu N và cháu A, anh đồng ý giao cho chị L trực tiếp nuôi và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ giữa chị L và anh T là vợ chồng; về con chung: giao cháu Nguyễn Thái N, sinh ngày 15-11-2007 và Nguyễn Nhất A, sinh 14-10-2010 cho chị Nguyễn Thị Thùy L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng: anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: chị Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng nên quan hệ pháp luật là *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*; anh T có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L, thấy rằng:*

Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn, vi phạm khoản 1 Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, không công nhận quan hệ giữa chị L và anh T là vợ chồng là có căn cứ.

Về con chung: chị và anh T có 04 người con chung là Nguyễn Hàn Q, sinh năm 1998; Nguyễn Anh T, sinh năm 2000; Nguyễn Thái N, sinh ngày 15-11-2007 và Nguyễn Nhất A, sinh 14-10-2910; đối với 02 con đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết; đối với cháu N và cháu A, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, anh T đồng ý nên giao 02 cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (18 tuổi). Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng: chị L không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L.

1.1 Vệ quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

1.2 Về con chung: giao hai cháu Nguyễn Thái N, sinh ngày 15-11-2007 và Nguyễn Nhất A, sinh 14-10-2910 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (18 tuổi). Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về cấp dưỡng: anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002634, ngày 20-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; chị L nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông *(để biết)*;
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Văn Vinh